

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4063/QĐ - ĐT ngày 29 tháng 11 năm 2012
của Giám đốc ĐHQGHN)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Quản lý đất đai
 - + Tiếng Anh: Land Management
- Mã số ngành đào tạo: 52850103
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân Quản lý đất đai
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Land Management
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

2. Mục tiêu đào tạo:

Đào tạo cử nhân Quản lý đất đai có phẩm chất đạo đức tốt; có kiến thức chuyên môn toàn diện về lý luận và thực tiễn của khoa học Quản lý đất đai, về hệ thống pháp luật và công nghệ quản lý đất đai trên nền tảng những kiến thức có liên quan của khoa học Địa lý, Trắc địa - Bản đồ, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý, Hệ thông tin đất đai, Ngoại ngữ chuyên ngành...; có kỹ năng về công nghệ Địa chính như đo đạc và thu thập dữ liệu về đất đai bằng các công nghệ tiên tiến (công nghệ toàn đạc, công nghệ GPS, công nghệ Viễn thám, công nghệ ảnh số...), thành lập các bản đồ chuyên đề (bản đồ địa chính, bản đồ địa chính cơ sở, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất...) dưới dạng số, thiết kế và vận hành các hệ thống thông tin đất đai...; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực được đào tạo

3. Thông tin tuyển sinh

- Hình thức tuyển sinh: thi tuyển theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên. Khuyến khích các đối tượng tuyển thẳng (đoạt giải cấp Quốc gia, Quốc tế,...). Tuyển thẳng (không hạn chế số lượng) những thí sinh là thành viên đội tuyển tham dự Olympic khu vực, quốc tế và những thí sinh đạt từ giải ba trở lên trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Địa lý.
- Đối tượng dự thi là các thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Khối thi: A và A1.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

1.1. Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN

- Vận dụng được các kiến thức về tư tưởng, đạo đức cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghề nghiệp và cuộc sống.
- Áp dụng được kiến thức công nghệ thông tin trong nghiên cứu khoa học.
- Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường.
- Đánh giá, phân tích được các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức cảnh giác với những âm mưu chống phá cách mạng của các thế lực thù địch.

1.2. Kiến thức chung theo lĩnh vực

Có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên khoa học sự sống làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho khoa học Quản lý đất đai.

1.3. Kiến thức chung của khối ngành

Phân tích và áp dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên như toán học, vật lý, hóa học, làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho khối ngành khoa học Trái đất nói chung, cho ngành Quản lý đất đai nói riêng.

1.4. Kiến thức chung của nhóm ngành

- Phân tích và áp dụng được các quy luật địa lý tự nhiên, nhân văn, các vấn đề tài nguyên môi trường và những biến đổi của chúng theo không gian và thời gian;
- Hiểu và phân tích được các kỹ thuật/ công nghệ mô phỏng/ không gian hoá thế giới thực và các sự vật, hiện tượng trên bề mặt Trái đất;

- Hiểu và áp dụng được các công nghệ kỹ thuật hiện đại về Viễn thám và GIS trong nghiên cứu và giám sát tài nguyên, môi trường...

1.5. Kiến thức ngành và hỗ trợ

- Phân tích, đánh giá và áp dụng được kiến thức ngành Quản lý đất đai để hình thành các ý tưởng, xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá, và nghiên cứu khoa học được theo các hướng: Công tác quản lý nhà nước về đất đai; Quy hoạch sử dụng đất; Chính sách và nâng cao hệ thống thuế đất; Hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận SDD, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác; Quy hoạch đô thị; Thị trường bất động sản;

- Áp dụng được công nghệ viễn thám-GIS-GPS trong xây dựng CSDL và Hệ thống thông tin đất đai, thành lập bản đồ vùng giá trị đất đai, quy hoạch, lập bản đồ địa chính, lập bản đồ sử dụng đất.

1.6. Kiến thức thực tập và tốt nghiệp

Có khả năng phát hiện vấn đề và áp dụng những kiến thức đã học thực tế và thực tập trong lĩnh vực Quản lý đất đai để giải quyết vấn đề chuyên môn cũng như hội nhập nhanh với môi trường công tác trong tương lai.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng cứng

2.1.1. Các kỹ năng nghề nghiệp

- Có đạo đức nghề nghiệp (trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy)
- Có tác phong chuyên nghiệp
- Có khả năng làm việc độc lập
- Có kỹ năng đặt mục tiêu
- Có kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc

2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Có khả năng phát hiện và hình thành vấn đề
- Có khả năng tổng quát hóa vấn đề
- Có khả năng tư duy logic và phân tích đa chiều
- Có kỹ năng đánh giá và phân tích định tính vấn đề
- Có kỹ năng phân tích định lượng vấn đề

- Có kỹ năng giải quyết vấn đề
- Có khả năng đề xuất được các giải pháp và kiến nghị

2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Có khả năng tìm kiếm và tổng hợp tài liệu
- Có khả năng nghiên cứu thực nghiệm
- Có khả năng kiểm định giả thuyết
- Có kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin

2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống

- Có khả năng tổng quát hóa vấn đề
- Có khả năng tư duy logic và phân tích đa chiều
- Có kỹ năng đánh giá và phân tích định tính vấn đề
- Có kỹ năng phân tích định lượng vấn đề

2.1.5. Hiểu bối cảnh xã hội và ngoại cảnh

- Thể hiện được vai trò và trách nhiệm của một cử nhân khoa học Quản lý đất đai đối với xã hội
- Hiểu được tác động của khoa học Quản lý đất đai đến xã hội
- Hiểu được nhu cầu của xã hội đối với kiến thức Quản lý đất đai
- Hiểu được bối cảnh toàn cầu về diễn biến tài nguyên môi trường, biến đổi khí hậu và các hoạt động liên quan

2.1.6. Hiểu bối cảnh tổ chức

- Có kỹ năng tìm hiểu được chiến lược, mục tiêu và kế hoạch của một đơn vị công tác
- Có kỹ năng tìm hiểu được mối quan hệ giữa các hoạt động của một đơn vị công tác với các vấn đề Quản lý đất đai

2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

- Có kỹ năng sử dụng máy tính cơ bản và chuyên ngành để giải quyết các mục tiêu của công việc
- Có kỹ năng phát triển chuyên môn của cá nhân
- Có kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc

2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

- Có khả năng nhận thức và cập nhật thông tin
- Có kỹ năng xây dựng mục tiêu cá nhân, động lực làm việc, phát triển cá nhân và sự nghiệp

2.2. Kỹ năng mềm

2.2.1. Các kỹ năng cá nhân

- Có kỹ năng học và tự học
- Có kỹ năng quản lý bản thân
- Có kỹ năng sử dụng máy tính cơ bản và chuyên ngành
- Có kỹ năng tìm kiếm và tổng hợp tài liệu
- Có kỹ năng nghiên cứu thực nghiệm
- Có khả năng kiểm định giả thuyết
- Có kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin
- Có kỹ năng đương đầu với rủi ro

2.2.2. Làm việc theo nhóm

Có khả năng làm việc theo nhóm thích ứng với sự thay đổi của các nhóm làm việc

2.2.3. Quản lý và lãnh đạo

- Có khả năng hình thành nhóm làm việc hiệu quả, thúc đẩy hoạt động nhóm và phát triển nhóm
- Có khả năng tham gia lãnh đạo nhóm và có kỹ năng vận hành nhóm
- Có khả năng phát triển nhóm làm việc

2.2.4. Kỹ năng giao tiếp

- Có kỹ năng thuyết trình
- Có kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân

2.2.5. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ

- Tiếng Anh - kỹ năng nghe, nói
- Tiếng Anh chuyên ngành - kỹ năng đọc, viết
- Đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu B1 tương đương IELTS 4.0

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Kiên trì
- Tự tin, chủ động và linh hoạt
- Chăm chỉ, nhiệt tình và say mê công việc
- Có tư duy sáng tạo
- Có tư duy phản biện
- Có kỹ năng khám phá và học hỏi từ cuộc sống

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Có đạo đức nghề nghiệp (trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy)
- Có tác phong chuyên nghiệp
- Có khả năng làm việc độc lập
- Có kỹ năng đặt mục tiêu
- Có kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc
- Có khả năng nhận thức và cập nhật thông tin
- Có kỹ năng phát triển chuyên môn

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Hiểu biết về văn hóa các dân tộc Việt Nam
- Có tinh thần dân tộc và hiểu biết về an ninh - quốc phòng toàn dân
- Có trách nhiệm công dân và chấp hành pháp luật cao

4. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Các cử nhân khoa học ngành Quản lý đất đai có khả năng giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng tài nguyên môi trường về lĩnh vực quản lý đất đai, có thể đảm nhận công việc trong các lĩnh vực quản lý tài nguyên, môi trường, xây dựng, quản lý và đánh giá các dự án phát triển đô thị, nông nghiệp, nông thôn, làm việc cho các tổ chức tài chính, bảo hiểm, ngân hàng đầu tư...

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	138 tín chỉ
– Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN:	28 tín chỉ
<i>(Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN và kỹ năng mềm)</i>	
– Khối kiến thức chung theo lĩnh vực:	6 tín chỉ
– Khối kiến thức chung theo khối ngành:	22 tín chỉ
– Khối kiến thức chung của nhóm ngành:	16 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>13 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>3 tín chỉ</i>
– Khối kiến thức ngành và bổ trợ:	55 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>42 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>13 tín chỉ</i>
– Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp:	11 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung <i>(không tính các môn học từ số 10 đến số 12)</i>	28				
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	21	5	4	
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	7	3	POL1001
5	INT1003	Tin học cơ sở 1	2	10	20		
6	INT1005	Tin học cơ sở 3	2	12	18		INT1003
7	FLF1105	Tiếng Anh A1	4	16	40	4	
8	FLF1106	Tiếng Anh A2	5	20	50	5	FLF1105
9	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	50	5	FLF1106
10		Giáo dục thể chất	4				

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
11		Giáo dục quốc phòng - an ninh	8				
12		Kỹ năng mềm	3				
II		Khối kiến thức theo lĩnh vực	6				
13	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	42	3		
14	GEO1050	Khoa học Trái đất và Sự sống	3	42	3		
III		Khối kiến thức theo khối ngành	22				
15	MAT1090	Đại số tuyến tính	3	30	15		
16	MAT1091	Giải tích 1	3	30	15		
17	MAT1192	Giải tích 2	2	20	10		MAT1091
18	MAT1101	Xác suất thống kê	3	27	18		MAT1091
19	PHY1100	Cơ - Nhiệt	3	32	10	3	MAT1091
20	PHY1103	Điện - Quang	3	28	17		MAT1091
21	CHE1080	Hóa học đại cương	3	35	10		
22	PHY1104	Thực hành Vật lý đại cương	2	2	20	8	PHY1103
IV		Khối kiến thức theo nhóm ngành	16				
IV.1		Bắt buộc	13				
23	GEO2300	Địa lý học	3	35	7	3	GEO1050
24	GEO2301	Trắc địa và Bản đồ đại cương	4	30	25	5	
25	GEO2302	Cơ sở viễn thám và GIS	4	30	25	5	PHY1103 INT1003
26	GEO2303	Thực tập thiên nhiên	2		30		GEO2300
IV.2		Tự chọn	3/12				
27	GEO2304	Khoa học môi trường và Biến đổi khí hậu	3	30	10	5	GEO2300
28	GEO2305	Kinh tế sinh thái	3	20	20	5	GEO3225
29	GEO2308	Phương pháp thực địa trong viễn thám	3	10	25	10	GEO2302
30	GEO2309	Ứng dụng viễn thám và GIS trong nghiên cứu địa lý và môi trường biển	3	20	20	5	GEO2302 GEO3224
V		Khối kiến thức ngành	55				
V.1		Bắt buộc	42				
31	GEO3262	Cơ sở và lịch sử quản lý đất đai	4	45	10	5	GEO2300
32	GEO3263	Pháp luật đất đai	2	20	5	5	GEO3262
33	GEO3264	Quản lý tài chính đất đai và Thị	4	35	20	5	GEO3262

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		trường bất động sản					
34	GEO3265	Đánh giá đất và Quy hoạch sử dụng đất đai	4	30	25	5	GEO3266
35	GEO3266	Thổ nhượng và Bản đồ thổ nhượng	2	15	10	5	GEO2300 GEO2301
36	GEO3267	Đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất đai	2	15	15		GEO3274
37	GEO3268	Hệ thống đăng ký đất đai	3	20	20	5	GEO3262
38	GEO3269	Hệ thống thông tin đất đai	3	25	15	5	GEO2302
39	GEO3270	Xử lý số liệu đo đạc	3	25	15	5	MAT1101
40	GEO3271	Đo đạc địa chính và ứng dụng tin học trong thành lập bản đồ	4	40	15	5	GEO2301
41	GEO3272	Thực tập đo đạc địa chính	2	3	12	15	GEO3271
42	GEO3273	Thực tập trắc địa và bản đồ đại cương	2	10	15	5	GEO2301
43	GEO3274	Công nghệ ảnh số và giải đoán, điều vẽ ảnh	5	45	25	5	GEO2302
44	GEO3275	Thực tập Công nghệ ảnh số và giải đoán, điều vẽ ảnh	2	5	25		GEO3274
V.2		Tự chọn	13				
V.2.1		<i>Các môn học theo hướng chuyên sâu</i>	10				
V.2.1.1		<i>Công nghệ địa chính</i>	10				
45	GEO3276	GIS ứng dụng	3	20	20	5	GEO2302
46	GEO3277	Bản đồ chuyên đề trong quản lý đất đai	2	25	5		GEO2301
47	GEO3278	Hệ thống thông tin bất động sản	2	15	10	5	GEO3269
48	GEO3279	Trắc địa vệ tinh và trắc địa biển	3	33	7	5	GEO3263
V.2.1.2		<i>Địa chính (Quản lý đất đai)</i>	10				
49	GEO3280	Thanh tra đất đai	2	20	5	5	GEO3262
50	GEO3281	Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn	3	20	20	5	GEO3262
51	GEO3282	Định giá đất	3	25	15	5	GEO3262
52	GEO3283	Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu địa chính	2	20	5	5	GEO3268
V.2.2		<i>Các môn học bổ trợ</i>	3/16				
53	EVS2301	Tài nguyên thiên nhiên	3	36	9		GEO2304
54	EVS2304	Cở sở môi trường đất, nước, không khí	3	36	9		GEO2304 GEO3225
55	EVS3244	Quản lý môi trường	3	42		3	GEO2304

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
56	EVS3324	Quản lý và bảo vệ đất	3	36	9		GEO3266
57	GEO3225	Địa sinh vật và Sinh thái cảnh quan	4	40	15	5	GEO2300
VI		Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	11				
VI.1		Thực tập và Niên luận	4				
58	GEO4073	Thực tập chuyên ngành	2		30		
59	GEO4074	Niên luận	2		30		
VI.2		Khoá luận tốt nghiệp hoặc môn học thay thế	7				
60	GEO4075	Khóa luận tốt nghiệp	7				
		<i>Các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	<i>7/12</i>				
61	GEO2306	Quản lý và đánh giá tác động môi trường	3	30	10	5	GEO2304
62	GEO2316	Địa mạo học trong quản lý đất đai	3	30	10	5	GEO3262
63	GEO2312	Địa lý Đô thị	2	20	5	5	GEO3228
64	GEO2313	Bảo vệ tài nguyên và môi trường đất	2	20	5	5	GEO2300
65	GEO2311	Sử dụng đất nông nghiệp	2	16	10	4	GEO2300
		Tổng cộng	138				